



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 30.600.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2019: 30.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 024.35122163
- Fax: (84) 024.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
 - Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Bán buôn thực phẩm;
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến thời điểm 30/06/2019 là 321 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |
| • Ông Đinh Gia Lê | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |
| • Bà Mai Nhị Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Bà Bùi Thị Thu Lan | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018
Miễn nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Văn Quyết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Văn Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/06/2017
• Bà Nguyễn Bích La	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
• Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/05/2019
• Ông Nguyễn Phong Yên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/09/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 983/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 12/08/2019 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2019

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.518.519.128	88.349.733.585
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.808.671.130	36.575.829.171
1. Tiền	111	5	2.928.376.004	4.596.901.194
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	15.880.295.126	31.978.927.977
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.522.326.846	6.287.500.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.a	(217.500.000)	(262.500.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.b	7.989.826.846	5.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.881.945.986	17.052.253.803
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	11.684.027.012	14.372.365.654
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.622.068.964	1.296.341.765
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	2.441.676.902	2.433.698.259
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(865.826.892)	(1.050.151.875)
IV. Hàng tồn kho	140	12	24.744.800.386	22.761.617.411
1. Hàng tồn kho	141		24.744.800.386	22.796.768.705
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(35.151.294)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.560.774.780	5.672.533.200
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	6.058.077.143	5.439.435.809
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	233.097.391
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	502.697.637	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.110.770.721	29.234.871.213
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.274.751.575	5.274.751.575
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	5.274.751.575	5.274.751.575
II. Tài sản cố định	220		19.513.189.447	19.015.803.711
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	19.513.189.447	19.015.803.711
- Nguyên giá	222		31.857.879.572	30.615.559.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.344.690.125)	(11.599.755.407)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.681.515.076	1.781.214.669
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.c	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.c	(318.484.924)	(218.785.331)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.641.314.623	3.163.101.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	6.641.314.623	3.163.101.258
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106.629.289.849	117.584.604.798

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		56.522.784.273	64.672.192.390
I. Nợ ngắn hạn	310		56.522.784.273	64.672.192.390
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	33.931.401.654	39.810.296.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	3.979.340.988	2.849.258.665
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.577.103.612	2.638.958.557
4. Phải trả người lao động	314		14.109.613.107	17.493.160.266
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	887.010.420	1.001.895.333
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.038.314.492	878.623.305
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.106.505.576	52.912.412.408
I. Vốn chủ sở hữu	410		50.106.505.576	52.912.412.408
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	30.600.000.000	30.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.600.000.000	30.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(227.778.500)	(227.778.500)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	16.256.129.721	12.539.884.977
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	3.478.154.355	10.000.305.931
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.478.154.355	10.000.305.931
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		106.629.289.849	117.584.604.798



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

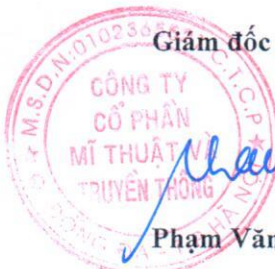
Nguyễn Huy Hoàng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	140.226.213.275	114.821.871.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		140.226.213.275	114.821.871.795
4. Giá vốn hàng bán	11	22	91.652.778.149	71.615.994.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		48.573.435.126	43.205.877.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	974.109.641	1.182.896.396
7. Chi phí tài chính	22	24	54.699.593	156.657.464
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	1.225.064
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	33.649.154.470	31.386.264.098
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	11.804.660.047	9.596.170.647
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.039.030.657	3.249.681.331
11. Thu nhập khác	31	26	771.463.910	556.665.338
12. Chi phí khác	32	27	46.388.406	17.701.096
13. Lợi nhuận khác	40		725.075.504	538.964.242
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.764.106.161	3.788.645.573
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.285.951.806	972.441.962
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.478.154.355	2.816.203.611
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	909	736
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	909	736



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.764.106.161	3.788.645.573
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14	744.934.718	530.080.684
- Các khoản dự phòng	03		(164.776.684)	313.576.055
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(909.016.751)	(851.834.578)
- Chi phí lãi vay	06		-	1.225.064
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		4.435.247.444	3.781.692.798
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.091.568.318	3.786.288.248
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.948.031.681)	933.462.026
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(8.571.789.307)	(18.329.406.419)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.096.854.699)	(741.302.836)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.225.064)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(2.023.261.803)	(1.323.683.958)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(840.370.000)	(933.047.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.953.491.728)	(12.827.222.205)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(1.242.320.454)	(700.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.189.826.846)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	902.480.987	851.834.578
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.529.666.313)	151.834.578
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(145.841.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(4.284.000.000)	(4.284.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.284.000.000)	(4.429.841.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17.767.158.041)	(17.105.228.627)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	36.575.829.171	41.233.071.832
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	18.808.671.130	24.127.843.205



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: *Phát hành sách mầm non; Bán lẻ sách báo, văn phòng phẩm, đồ dùng gia đình; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác.*

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 (Bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/06/2019).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định hiện có. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	3 – 5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.9 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.11 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.12 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt	247.251.918	772.640.734
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.681.124.086	3.824.260.460
Cộng	2.928.376.004	4.596.901.194

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng	15.880.295.126	31.978.927.977
Cộng	15.880.295.126	31.978.927.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	750.000.000	532.500.000	(217.500.000)	750.000.000	487.500.000	(262.500.000)
Cộng	750.000.000	532.500.000	(217.500.000)	750.000.000	487.500.000	(262.500.000)

Theo quyết định số 45A/QĐ-MTTT ngày 05/03/2016 của Giám đốc Công ty về việc góp vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội thì mục đích đầu tư là để sinh lời và chuyển nhượng khi có điều kiện.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	7.989.826.846	7.989.826.846	5.800.000.000	5.800.000.000
Cộng	7.989.826.846	7.989.826.846	5.800.000.000	5.800.000.000

Tại thời điểm 30/06/2019, khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	30/06/2019		01/01/2019		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào đơn vị khác				2.000.000.000	(318.484.924)	2.000.000.000	(218.785.331)	
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	(318.484.924)	2.000.000.000	(218.785.331)
Cộng				2.000.000.000	(318.484.924)	2.000.000.000	(218.785.331)	

Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Phát hành sách TP. HCM - Fahasa	988.993.637	1.250.242.084
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. HCM	827.410.342	25.347.998
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	793.247.625	1.111.207.286
Các đối tượng khác	9.074.375.408	11.985.568.286
Cộng	11.684.027.012	14.372.365.654

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư	793.247.625	1.111.207.286
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	ĐVTTCông ty đầu tư	459.371.912	45.551.912
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư	827.410.342	25.347.998
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	1.344.968.027	2.684.870.363
Cộng		3.424.997.906	3.866.977.559

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH AMPRINT Việt Nam	327.859.331	-
Công ty TNHH Văn Hóa Minh Tân - NS Minh Thắng	185.588.938	-
Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	340.271.865	143.870.775
Các đối tượng khác	768.348.830	1.152.470.990
Cộng	1.622.068.964	1.296.341.765

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
BHXH, BHYT, BHTN	23.374.878	-	34.926.389	-
Lãi dự thu	145.190.965	-	138.655.201	-
Tạm ứng	954.967.767	-	920.251.303	-
Ký cược, ký quỹ	625.977.778	-	205.881.000	-
Phải thu thuế TNCN nhân viên	519.648.587	-	897.559.534	-
Phải thu khác	172.516.927	(19.413.985)	236.424.832	(34.072.165)
Cộng	2.441.676.902	(19.413.985)	2.433.698.259	(34.072.165)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	5.274.751.575	-	5.274.751.575	-
Cộng	5.274.751.575	-	5.274.751.575	-

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	865.826.892	1.050.151.875
- Từ 3 năm trở lên	609.314.501	389.007.654
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	161.578.138	272.652.204
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	94.934.253	388.492.017
Cộng	865.826.892	1.050.151.875

b. Nợ xấu

	30/06/2019			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	585.929.026	-	Từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	445.266.394	165.368.528	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	1.031.195.420	165.368.528		

	01/01/2019			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	585.929.026	292.964.513	Từ 1 năm đến 2 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	969.565.811	212.378.449	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	1.555.494.837	505.342.962		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.736.028.718	-	9.530.438.189	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	276.609.666	-	474.097.087	-
Thành phẩm	17.125.343.519	-	12.618.223.399	(35.151.294)
Hàng hóa	606.818.483	-	174.010.030	-
Cộng	24.744.800.386	-	22.796.768.705	(35.151.294)

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2019.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	3.924.759.733	4.135.688.435
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	142.637.126	155.841.116
Phí quản lý xuất bản	1.474.996.993	98.546.564
Bản quyền tác giả	444.379.880	941.798.489
Các khoản khác	71.303.411	107.561.205
Cộng	6.058.077.143	5.439.435.809

b. Dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	10.058.892	136.800.730
Chi phí thuê cửa hàng, kho, xưởng...	6.268.888.900	2.455.555.564
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	298.533.218	553.345.178
Các khoản khác	63.833.613	17.399.786
Cộng	6.641.314.623	3.163.101.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	18.125.999.284	7.413.403.267	4.039.236.736	966.628.943	70.290.888	30.615.559.118
Mua sắm trong kỳ	-	-	1.242.320.454	-	-	1.242.320.454
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	18.125.999.284	7.413.403.267	5.281.557.190	966.628.943	70.290.888	31.857.879.572
Khấu hao						
Số đầu kỳ	1.026.028.258	5.804.518.261	3.839.209.199	859.708.801	70.290.888	11.599.755.407
Khấu hao trong kỳ	181.259.994	312.122.284	194.014.379	57.538.061	-	744.934.718
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.207.288.252	6.116.640.545	4.033.223.578	917.246.862	70.290.888	12.344.690.125
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	17.099.971.026	1.608.885.006	200.027.537	106.920.142	-	19.015.803.711
Số cuối kỳ	16.918.711.032	1.296.762.722	1.248.333.612	49.382.081	-	19.513.189.447

- Không có TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2019.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 9.282.035.747 đồng.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	2.000.893.347	1.732.346.457
Nhà xuất bản Kim Đồng	1.822.240.263	686.691.303
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.714.896.658	467.402.509
Xí nghiệp Bản đồ 1 - Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	3.129.314.975	3.894.725.896
Các đối tượng khác	25.264.056.411	33.029.130.099
Cộng	33.931.401.654	39.810.296.264

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	714.183.460	364.186.200
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.714.896.658	467.402.509
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	201.165.453	201.165.453
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	1.499.376.428	269.727.389
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	355.053.376	91.016.066
Cộng		4.484.675.375	1.393.497.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Ban Quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo	3.672.983.794	-
Các đối tượng khác	306.357.194	2.849.258.665
Cộng	<u>3.979.340.988</u>	<u>2.849.258.665</u>

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.994.165.412	3.496.863.049	502.697.637	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.123.261.803	1.285.951.806	2.023.261.803	-	385.951.806
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.515.696.754	1.992.385.394	2.316.930.342	-	1.191.151.806
Các loại thuế khác	-	-	19.000.000	19.000.000	-	-
Cộng	-	<u>2.638.958.557</u>	<u>6.291.502.612</u>	<u>7.856.055.194</u>	<u>502.697.637</u>	<u>1.577.103.612</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	629.045.157	542.873.957
Phải trả khác	257.965.263	459.021.376
Cộng	<u>887.010.420</u>	<u>1.001.895.333</u>

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2018	30.600.000.000	(227.778.500)	9.291.667.858	9.415.271.399	49.079.160.757
Tăng trong năm	-	-	3.248.217.119	10.000.305.931	13.248.523.050
Giảm trong năm	-	-	-	9.415.271.399	9.415.271.399
Số dư tại 31/12/2018	<u>30.600.000.000</u>	<u>(227.778.500)</u>	<u>12.539.884.977</u>	<u>10.000.305.931</u>	<u>52.912.412.408</u>
Số dư tại 01/01/2019	30.600.000.000	(227.778.500)	12.539.884.977	10.000.305.931	52.912.412.408
Tăng trong kỳ	-	-	3.716.244.744	3.478.154.355	7.194.399.099
Giảm trong kỳ	-	-	-	10.000.305.931	10.000.305.931
Số dư tại 30/06/2019	<u>30.600.000.000</u>	<u>(227.778.500)</u>	<u>16.256.129.721</u>	<u>3.478.154.355</u>	<u>50.106.505.576</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	30.600.000.000	30.600.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	30.600.000.000	30.600.000.000
Cổ tức đã chia	4.284.000.000	4.284.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	10.000.305.931	9.415.271.399
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	3.478.154.355	2.816.203.611
Phân phối lợi nhuận	10.000.305.931	9.415.271.399
- Phân phối lợi nhuận năm trước	10.000.305.931	9.415.271.399
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	3.716.244.744	3.248.217.119
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	2.000.061.187	1.883.054.280
+ Trả cổ tức bằng tiền	4.284.000.000	4.284.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	3.478.154.355	2.816.203.611

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 27/03/2019.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 27/03/2019 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với tỷ lệ 14%/vốn điều lệ (tương ứng 4.284.000.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức trên trong 6 tháng đầu năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	30/06/2019	01/01/2019
Hàng hóa nhận ký gửi	43.950.413.201	31.799.287.669

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Doanh thu bán sách tham khảo	132.952.695.734	110.776.393.991
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	7.273.517.541	4.045.477.804
Cộng	140.226.213.275	114.821.871.795

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Giá vốn sách tham khảo	85.635.479.892	67.525.337.830
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	6.017.298.257	4.090.656.821
Cộng	91.652.778.149	71.615.994.651

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	834.016.751	729.504.630
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.000.000	75.000.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	65.092.890	378.391.766
Cộng	974.109.641	1.182.896.396

24. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	54.699.593	150.000.000
Chi phí tài chính khác	-	6.657.464
Cộng	54.699.593	156.657.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.221.400.780	1.610.179.983
Chi phí nhân công	13.799.438.469	10.527.834.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.174.715	294.719.484
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	10.220.529.754	7.752.523.770
Các khoản khác	8.175.610.752	11.201.006.080
Cộng	33.649.154.470	31.386.264.098

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí công cụ, dụng cụ	21.029.919	601.655.430
Chi phí nhân công	4.132.194.870	3.411.567.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	470.073.753	175.739.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.900.941.041	3.426.053.587
Các khoản khác	922.214.045	1.817.578.505
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	358.206.419	163.576.055
Cộng	11.804.660.047	9.596.170.647

26. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Nhận tiền thưởng, hỗ trợ của nhà cung cấp	511.000.850	427.934.613
Thu tiền đền bù do mất hàng	84.376.516	51.014.399
Thu nhập khác	176.086.544	77.716.326
Cộng	771.463.910	556.665.338

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Các khoản phạt	21.279.904	6.000.000
Các khoản khác	25.108.502	11.701.096
Cộng	46.388.406	17.701.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.764.106.161	3.788.645.573
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.665.652.871	1.073.564.237
- Điều chỉnh tăng	1.740.652.871	1.148.564.237
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.185.446.452	1.082.564.237
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	197.000.000	66.000.000
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi	358.206.419	-
- Điều chỉnh giảm	75.000.000	75.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	75.000.000	75.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	6.429.759.032	4.862.209.810
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.285.951.806	972.441.962
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.285.951.806	972.441.962

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.478.154.355	2.816.203.611
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(695.630.871)	(563.240.722)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành)	695.630.871	563.240.722
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.782.523.484	2.252.962.889
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.060.000	3.060.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	909	736

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.822.425.821	5.212.301.771
Chi phí nhân công	20.819.654.121	16.715.107.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	744.934.718	530.080.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.222.345.469	29.818.334.225
Chi phí khác bằng tiền	3.993.257.774	3.164.654.174
Cộng	73.602.617.903	55.440.478.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là hoạt động mỹ thuật, truyền thông giáo dục, phát hành sách và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau, việc bán hàng tại các cửa hàng theo hình thức thu tiền ngay. Các khách hàng là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở Giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hình thành toán kịp thời. Các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2019	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	33.931.401.654	-	33.931.401.654
Phải trả khác	257.965.263	-	257.965.263
Cộng	34.189.366.917	-	34.189.366.917
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	39.810.296.264	-	39.810.296.264
Phải trả khác	459.021.376	-	459.021.376
Cộng	40.269.317.640	-	40.269.317.640

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2019	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.808.671.130	-	18.808.671.130
Đầu tư tài chính	532.500.000	1.681.515.076	2.214.015.076
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.989.826.846	-	7.989.826.846
Phải thu khách hàng	10.837.614.105	-	10.837.614.105
Phải thu khác	1.443.920.272	5.274.751.575	6.718.671.847
Cộng	39.612.532.353	6.956.266.651	46.568.799.004
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.575.829.171	-	36.575.829.171
Đầu tư tài chính	487.500.000	1.781.214.669	2.268.714.669
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.800.000.000	-	5.800.000.000
Phải thu khách hàng	13.356.285.943	-	13.356.285.943
Phải thu khác	1.444.448.402	5.274.751.575	6.719.199.977
Cộng	57.664.063.516	7.055.966.244	64.720.029.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Phương Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	229.878.490	388.446.514
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	3.188.950.320	2.249.564.682
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	594.000.000	365.309.091
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	1.808.400.000	1.067.054.545
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Bán tem, sách	802.039.281	49.383.268
Các đối tượng khác	Bán tem, sách	794.555.053	570.039.772
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	2.349.851.248	2.469.326.364
	Thuê nhà, điện, nước	-	262.790.000
	Mua tem mẫu	429.000.000	396.000.000
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	3.258.778.140	3.104.662.685
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Mua sách các loại	789.273.289	315.010.285
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	3.249.209.200	2.158.501.853
Các đối tượng khác	Mua sách các loại	857.239.004	1.064.292.763
Khác			
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Nhận cổ tức bằng tiền	75.000.000	75.000.000

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.840.387.233	1.759.280.787
Thù lao Hội đồng quản trị	1.059.000.000	359.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

